

Số: 14 /2017/NQ-HĐND

Thừa Thiên Huế, ngày 31 tháng 3 năm 2017

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ T.T.HUẾ	
ĐẾN	Số: 491
	Ngày: 13/4
	Chuyên:

NGHỊ QUYẾT
Quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch
trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
KHÓA VII, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ NHẤT

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật hộ tịch ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 1458/TTr-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; Báo cáo thẩm tra của Ban pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế với các nội dung chính như sau:

1. Đối tượng, phạm vi áp dụng

a) Người nộp lệ phí là cá nhân có yêu cầu đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật, trừ các trường hợp được miễn theo quy định tại khoản 2, Điều này.

b) Cơ quan thu lệ phí bao gồm: Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế.

2. Miễn lệ phí đăng ký hộ tịch

a) Đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.

b) Đăng ký khai sinh đúng hạn, khai tử đúng hạn; đăng ký giám hộ, chấm dứt giám hộ; đăng ký kết hôn của công dân Việt Nam cư trú ở trong nước, thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp xã; đăng ký khai sinh đúng hạn, khai tử đúng hạn, đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài thực hiện tại Ủy ban nhân dân các xã ở khu vực biên giới bao gồm: A Đớt, A Roàng, Đông Sơn, Hồng Bắc, Hồng Thái, Hồng Thượng, Hồng Thủy, Hồng Trung, Hồng Vân, Hương Nguyên, Hương Phong, Nhâm.

3. Mức thu lệ phí

a) Mức thu tại Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.

STT	Nội dung đăng ký hộ tịch	Mức thu cho 01 trường hợp (Đơn vị tính: đồng)
1	Đăng ký khai sinh không đúng hạn	5.000
2	Đăng ký lại khai sinh	5.000
3	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	5.000
4	Đăng ký khai tử không đúng hạn	5.000
5	Đăng ký lại khai tử	5.000
6	Đăng ký lại kết hôn	25.000
7	Đăng ký nhận, cha, mẹ, con	15.000
8	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi cư trú ở trong nước; bổ sung hộ tịch cho công dân Việt Nam cư trú trong nước	10.000
9	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	10.000
10	Xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác	5.000
11	Đăng ký hộ tịch khác	5.000

b) Mức thu tại Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế.

STT	Nội dung đăng ký hộ tịch	Mức thu cho 01 trường hợp (Đơn vị tính: đồng)
1	Đăng ký khai sinh đúng hạn	40.000
2	Đăng ký khai sinh không đúng hạn	60.000
3	Đăng ký lại khai sinh	60.000
4	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	60.000
5	Đăng ký khai tử đúng hạn	30.000
6	Đăng ký khai tử không đúng hạn	60.000
7	Đăng ký lại khai tử	60.000
8	Đăng ký kết hôn mới	1.200.000
9	Đăng ký lại kết hôn	1.200.000
10	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	1.500.000
11	Đăng ký giám hộ, chấm dứt giám hộ	40.000
12	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên cư trú ở trong nước	25.000
13	Xác định lại dân tộc; thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch có yếu tố nước ngoài	25.000
14	Ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	40.000
15	Đăng ký hộ tịch khác	40.000

4. Kê khai, thu, nộp và quyết toán lệ phí hộ tịch

a) Lệ phí hộ tịch thu bằng đồng Việt Nam.

b) Cơ quan thu lệ phí hộ tịch nộp 100% số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước theo chương, mục, tiêu mục tương ứng của Mục lục ngân sách nhà nước. Các khoản chi phí liên quan đến công tác thu lệ phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

c) Các nội dung khác liên quan đến chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng chứng từ thu, công khai chế độ thu lệ phí hộ tịch không được đề cập tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Luật phí và lệ phí; Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo nhiệm vụ, quyền hạn đã được pháp luật quy định.

Điều 3. Điều khoản thi hành

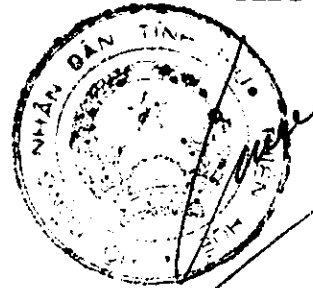
Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 7e/2009/NQCB-HĐND ngày 09 tháng 4 năm 2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh, bổ sung một số loại phí và lệ phí thuộc lĩnh vực tư pháp.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế khóa VII, kỳ họp chuyên đề lần thứ nhất thông qua ngày 31 tháng 3 năm 2017 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2017. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- UBTV Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu của UBTVQH;
- Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp;
- Cục kiểm tra VBQPPL của Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế;
- Công báo tỉnh, Công thông tin điện tử tỉnh;
- VP: LĐ và các CV;
- Lưu VT, THPC. /

CHỦ TỊCH



Lê Trường Lưu